

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22BITS**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02073**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục QP - An ninh**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801012797	Huỳnh Ngọc	Anh	08/07/1987				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
2	2253801012798	Nguyễn Văn	Bảo	20/10/1997				7	8.0	0.0	6.0		9.8		7.9
3	2253801012799	Dương Văn	Bông	18/11/1982				10	9.5	9.5	10.0		10.0		9.9
4	2253801012800	Nguyễn Thành	Chu	08/06/1962				8	8.0	6.5	8.0		7.8		7.7
5	2253801012801	Phạm Văn	Duyên	31/12/1972				6	5.0	6.0	6.0		10.0		8.3
6	2253801012802	Nguyễn Thành	Đạt	05/09/2001				0	0.0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
7	2253801012803	Lê Thanh	Điền	11/11/1985				10	7.5	9.0	8.0		10.0		9.4
8	2253801012805	Nguyễn Văn	Hậu	25/05/2002				8	9.0	7.0	6.5		10.0		9.0
9	2253801012806	Phạm Thái	Hòa	12/06/1988				9	8.5	9.5	6.5		10.0		9.3
10	2253801012807	Đinh Thị Thu	Hương	06/11/2001				8	7.0	7.0	4.5		10.0		8.6
11	2253801012809	Tô Nam	Khang	30/03/1993				8	9.5	6.5	7.0		10.0		9.1
12	2253801012811	Nguyễn Hoàng Minh	Khoa	19/07/2004				9	7.0	8.0	6.0		10.0		8.9
13	2253801012813	Lê Nhựt Diệu	Lành	07/07/2006				9	9.5	8.0	4.0		10.0		9.0
14	2253801012814	Phạm Kim	Liên	21/07/1992				10	8.5	8.5	9.5		9.8		9.5
15	2253801012815	Lê Văn	Lực	13/02/1988				10	8.5	9.0	8.5		9.8		9.4
16	2253801012817	Khuru Trần Võ	Nghĩa	24/12/1973				9	9.0	8.5	9.5		10.0		9.6
17	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm	Như	05/08/2001				9	7.0	8.5	7.5		10.0		9.1
18	2253801012820	Trang Quốc	Pháp	06/08/2001				9	6.0	8.0	7.0		10.0		8.9
19	2253801012821	Nguyễn Văn	Phước	05/07/1968				9	10.0	8.5	8.5		9.3		9.2

Châu Đốc, ngày 11 tháng 10 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Phú Thọ